

## VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC TRONG CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO Ở TỈNH BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Thị Thảo<sup>(1)</sup>, Vũ Thu Hà<sup>(1)</sup>, Phạm Thị Lan Trinh<sup>(1)</sup>

(1) Viện Nghiên cứu Đời sống Xã hội

Ngày nhận bài 21/1/2019; Ngày gửi phản biện 28/1/2019; Chấp nhận đăng 31/3/2019

Email: nguyenthithao.sociology@gmail.com

### **Tóm tắt**

Dựa trên việc phân tích các dữ liệu định lượng kết hợp định tính – trong khuôn khổ cuộc nghiên cứu “Sinh kế dân nghèo và công cuộc giảm nghèo của tỉnh Bình Dương” bài viết trình bày về chiều kích giáo dục trong mối tương quan với nghèo, đây được xem như một trong các chiều cạnh chính khi đo lường nghèo đa chiều. Dữ liệu bao gồm kết quả của 40 cuộc phỏng vấn sâu với chuyên gia, 120 cuộc phỏng vấn từ 60 hộ, bảng hỏi từ 900 hộ gia đình nghèo, cận nghèo và thoát nghèo từ khi Bình Dương tách tỉnh vào năm 1997 đến 2017 do sở Lao động – Thương binh và xã hội cung cấp. Kết quả cho thấy: (i) tình trạng học vấn của người dân nghèo vẫn chưa cao với khoảng 85% người được hỏi chưa tốt nghiệp cấp 2; (ii) 95,3% trẻ em dưới 15 tuổi được đi học; (iii) Bình Dương đã có những chính sách hỗ trợ tập trung vào phổ cập giáo dục thông qua đào tạo nghề nhưng vẫn chưa triệt để. Do đó, bài nghiên cứu này sẽ đưa ra một số kiến nghị để giúp cải thiện nghèo giáo dục.

**Từ khóa:** giáo dục, giảm nghèo, nghèo đa chiều, việc làm

### **Abstract**

#### **THE ROLE OF EDUCATION IN POVERTY REDUCTION: THE CASE STUDY IN BINH DUONG PROVINCE**

Based on the analysis of quantitative data combined with qualitative analysis - in the framework of the research project: “Livelihoods of poor people and poverty reduction in Binh Duong province”, this study presents the educational dimension in relation to poverty, is one of the main dimensions while measuring multi-dimensional poverty. The data include the results of 40 in-depth interviews with experts, 120 interviews from 60 households, questionnaires from 900 poor households, near-poor households and recently poverty escaped households since the establishment of Binh Duong province from 1997 to 2017. The information of these households was provided by the Department of Labor - Invalids and Social Affairs. The results show that: (i) the education status of poor people still not adopts the standards for them having sustainable job (about 85% of respondents not graduated from secondary school) ; (ii) 95.3% of children under 15 years old go to school; (iii) Binh Duong has supported policies focusing on universalizing education through vocational training but not yet thorough. Therefore, this paper will provide some recommendations to help improve education poverty.

## 1. Đặt vấn đề

Bình Dương là một trong những tỉnh thuộc Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam (Vùng KTTĐPN), và Vùng đô thị TP. Hồ Chí Minh với mức tăng trưởng kinh tế của từ khi tái lập tỉnh đến nay (1997 - 2015) ở mức cao và khá toàn diện, đạt mức 13,4%/năm, vượt rất xa so với mức bình quân của cả nước và là một trong số ít các địa phương dẫn đầu về phát triển kinh tế - xã hội, duy trì mức tăng trưởng cao và ổn định (Cục thống kê tỉnh Bình Dương, 2016)

Bên cạnh đó, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa đã tạo động lực thúc đẩy nền kinh tế của Bình Dương tăng trưởng, phát triển theo hướng kinh tế đô thị. Nói cách khác, phát triển kinh tế theo hướng dịch vụ - công nghiệp - xây dựng là định hướng và xu thế phát triển khách quan của Bình Dương, phù hợp với xu hướng phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới. Sự phát triển của công nghiệp kéo theo sự ra đời các khu đô thị và thực tiễn phát triển đô thị của Bình Dương cũng không nằm ngoài quy luật này. Trong những năm qua, Bình Dương là một trong những tỉnh đi đầu cả nước về phát triển Khu công nghiệp (KCN).

Trong chiến lược phát triển, Bình Dương chú trọng phát triển ngành công nghiệp gắn kết với đô thị hóa trong đó tập trung phát triển các KCN nhằm tạo động lực cho mục tiêu phát triển chung. Theo quy hoạch phát triển tỉnh Bình Dương đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025, tốc độ tăng trưởng công nghiệp giai đoạn 2016-2020 kỳ vọng là 16,1%/năm và định hướng công nghiệp sẽ tập trung phát triển lên các huyện phía Bắc của tỉnh.

Song song với phát triển kinh tế, Bình Dương cũng đã chú trọng đầu tư phát triển đồng thời về văn hóa – xã hội. Trong những năm qua, tỷ trọng chi ngân sách cho sự nghiệp phát triển văn hóa – xã hội ngày càng tăng, bình quân chiếm trên 20,0% tổng chi ngân sách địa phương. Trong đó, các khoản chi ưu tiên cho chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói, giảm nghèo; Các chương trình an sinh, phúc lợi xã hội.

Với sự gia tăng số lượng của các khu công nghiệp cùng với tốc độ đô thị hóa ngày càng tăng nhanh cùng với sự hỗ trợ về mặt an sinh và phúc lợi xã hội, có thể nói cơ hội việc làm được mở rộng rất nhiều với người dân trong tỉnh. Tuy nhiên, tại đây, tỷ lệ người nghèo không có công việc ổn định vẫn chiếm tỷ lệ cao và một trong những nguyên nhân quan trọng tác động đến tình trạng này là yếu tố học vấn sẽ được trình bày cụ thể trong bài viết.

## 2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý thuyết

Khi nghiên cứu về mối quan hệ giữa nghèo đói và giáo dục, có nhiều quan điểm với những cách tiếp cận khác nhau. Ở góc độ kinh tế, vai trò của giáo dục được đề cập như một yếu tố quan trọng tác động đến nghèo đói thông qua lý thuyết về vốn con người và tăng trưởng kinh tế (Henaff & Lange, 2012). Khi phân tích các tác động của sự phát triển giáo dục đối với tăng trưởng, nghiên cứu của (Pritchett, 1999) cho thấy có sự khác biệt rất lớn giữa các quốc gia, trong đó nguyên nhân kìm hãm sự tăng trưởng ở các nước kém phát triển xuất phát từ hạn chế của thể chế chính sách, nhu cầu lao động có trình độ và chất lượng giáo dục. Ở cấp độ vi mô, (Cohen, Manion, & Morrison, 2002) đề cập đến tình trạng nghèo được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác mà nguyên nhân chính từ hệ quả của nhiều yếu tố tiêu cực như mù chữ và hạn chế trong tiếp cận giáo dục. Xu hướng

gia tăng theo thời gian của suất sinh lợi giáo dục cho những người có trình độ giáo dục/đào tạo cao nhất do (Becker, 2004) đã quan sát tại Hoa Kỳ cũng được thấy ở một số nước khác (Mingat, Rakotomalala, & Tan, 2003), bao gồm cả những nước nghèo như Kenya và Tanzania (Söderbom & Teal, 2003; Wambugu, Franzel, Tuwei, & Karanja, 2001). Theo Aghion, Blundell, Griffith, Howitt, & Prantl (2004) "Được công nhận rộng rãi là một nguyên nhân gây ra sự bất bình đẳng ngày càng tăng do gia tăng suất sinh lợi giáo dục, song nó cũng làm tăng nguồn cung tương đối những công nhân có tay nghề, từ đó đẩy nhanh tốc độ sáng kiến, và rồi lại tạo ra sự gia tăng suất sinh lợi giáo dục đối với lao động có trình độ". Ở bình diện khác, quan điểm phát triển của Sen (1992) cho rằng "phát triển là quyền tự do". Trong đó, con người phải có cơ hội xã hội bao hàm việc thu hẹp sự cách biệt về giáo dục, và xoá bỏ sự chênh lệch lớn lao giữa khả năng tiếp cận giáo dục, khả năng gia nhập vào hệ thống giáo dục và giữa các thành quả về giáo dục vì điều này tạo ra một thế giới an toàn hơn và công bằng hơn.

Tại Việt Nam, vào ngày 15 tháng 9 năm 2015, Chính phủ đã phê duyệt đề án tổng thể chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều dựa vào thu nhập sang đa chiều áp dụng trong giai đoạn 2016-2020. Trong đề án, 5 khía cạnh của nghèo đa chiều được đề cập bao gồm: giáo dục, y tế, nhà ở, điều kiện sống và tiếp cận thông tin. Ở mỗi chiều cạnh đều có các chỉ số đo lường và ngưỡng thiếu hụt cụ thể được đưa ra nhằm đánh giá tình trạng nghèo một cách toàn diện. Bài viết sẽ áp dụng các chỉ số đo lường này nhằm đánh giá cụ thể tình trạng nghèo về chiều cạnh giáo dục tại tỉnh Bình Dương dựa trên số liệu được khảo sát tại đây vào năm 2017.

## **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

Bài viết được phân tích dựa trên dữ liệu định lượng và định tính được thu thập từ 9 huyện, thị của tỉnh Bình Dương, trình bày thực trạng học vấn của người nghèo, phân tích nguyên nhân nghèo đói xuất phát từ học vấn. Trong đó, phương pháp định lượng được sử dụng với công cụ thu thập thông tin của 900 bảng câu hỏi từ 900 hộ gia đình thuộc các trường hợp hộ nghèo, cận nghèo và thoát nghèo từ năm 1997 đến 2017 nhằm đưa ra cái nhìn tổng thể về tình trạng nghèo đói tại tỉnh Bình Dương thông các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều. Phương pháp định tính được áp dụng thông qua 160 cuộc phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm người dân và cán bộ giảm nghèo với mục tiêu khám phá, lý giải những hành vi, lựa chọn của người nghèo.

## **3. Kết quả nghiên cứu**

Theo số liệu thống kê năm 2016, Bình Dương là một trong số ít tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất cả nước và là địa phương nâng mức chuẩn nghèo cao hơn so với chuẩn nghèo của chính phủ quy định. Từ năm 2010 đến nay Bình Dương cơ bản không còn hộ nghèo theo tiêu chí Trung ương. Có thể nói đây là một thành tựu rất đáng tự hào cho nỗ lực giảm nghèo trong 20 năm qua từ năm 1997-2017, không chỉ giúp mức sống của người nghèo ngày càng được nâng cao mà còn mở rộng được khả năng, cơ hội tiếp cận các chính sách về an sinh xã hội, trong đó bao gồm khía cạnh giáo dục. Tuy nhiên, thực tế cho thấy vẫn còn một số hạn chế nhất định về nguồn lực giáo dục mà cụ thể là trình độ học vấn của người nghèo hiện nay làm hạn chế khả năng thoát nghèo của họ. Vì vậy, nội dung chính của phần này sẽ đưa ra cái nhìn sơ bộ về tình hình học vấn của người nghèo khi so sánh với các tiêu chí đo lường mới, đồng thời, chỉ ra sự tác động của học vấn đến việc thoát nghèo của người dân trong thực tế của người nghèo tại tỉnh Bình Dương được khảo sát vào năm 2017.

### 3.1. Tình trạng học vấn của người nghèo

Dựa trên các phân tích của Ngân Hàng Thế Giới, và nghiên cứu ở từng quốc gia khác nhau, đặc điểm về trình độ học vấn luôn là chỉ số được quan tâm hàng đầu vì có tác động đến đời sống theo hướng tích cực. Trình độ học vấn ảnh hưởng đến quá trình cải thiện sinh kế của người nghèo, cụ thể là trực tiếp cải thiện thu nhập, mức sống của con người. Trình độ học vấn càng cao càng mở ra nhiều cơ hội nghề nghiệp. Phần này sẽ mô tả về tình hình học vấn hiện tại của người nghèo ở tỉnh Bình Dương, cùng các nguyên nhân khiến họ không có cơ hội tiếp cận học vấn ở cấp độ cao hơn. Học vấn trung bình – thấp là đặc điểm dễ nhận thấy nhất ở dân nghèo, đa số họ mới chỉ học tới một số lớp ở bậc tiểu học, cao hơn một chút là ở bậc trung học cơ sở. Ở đây, có thể nhận thấy, đa số đối tượng khảo sát với trình độ học vấn thấp là những người ở độ tuổi trung niên và người già, vì cuộc sống khó khăn lúc trước nên họ không có nhiều điều kiện và cơ hội để học tập cao hơn.

Cụ thể hơn, khi khảo sát số liệu ở bảng 1, trình độ học vấn của những người nghèo trên 6 tuổi cho thấy trình độ học vấn từ lớp 10 trở lên là thấp nhất với chỉ 14,8%, và trình độ học vấn phổ biến nhất là khoảng từ lớp 1 đến lớp 5 với 34,6%. Số liệu này phản ánh khá chính xác trình độ học vấn của người nghèo trong khu vực, bởi từ lớp 1 đến lớp 5 - tức là cấp tiểu học là giai đoạn Nhà nước thực hiện chính sách phổ cập giáo dục và “theo Báo cáo kết quả 15 năm thực hiện các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ 2015, Việt Nam đã hoàn thành việc phổ cập giáo dục tiểu học (theo chuẩn quốc gia) vào năm 2010 (sớm hơn 5 năm so với kế hoạch)”. Tuy nhiên, cũng theo tài liệu này, dù “tỷ lệ biết chữ, tỷ lệ nhập học ở các cấp học ngày càng cao” nhưng “xét về tỷ lệ nhập học ở các cấp, càng lên cấp học cao thì số lượng học sinh nghèo đến trường càng giảm; Khả năng trang trải các dịch vụ giáo dục của người nghèo còn thấp, học phí và các khoản đóng góp trường lớp đã trở thành gánh nặng đối với gia đình nghèo” (Luong Thanh Hà, 2010).

**Bảng 1. Trình độ học vấn**

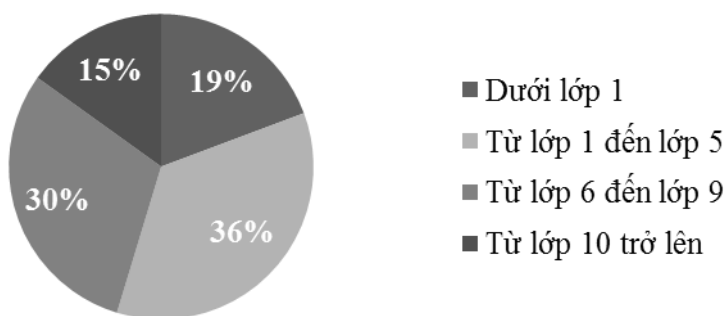
		Số lượng	%	% tích lũy
Lớp	Dưới lớp 1	550	18,9	19.3
	Từ lớp 1 đến lớp 5	1009	34,6	35.4
	Từ lớp 6 đến lớp 9	862	29,6	30.2
	Từ lớp 10 trở lên	430	14,8	15.1
	Tổng	2851	97,9	100.0
Không có số liệu	Số lượng	62	2,1	
Tổng		2913	100.0	

Nguồn: Số liệu khảo sát định lượng tháng 11 năm 2017

Biểu đồ 1 cho thấy tình hình chung về trình độ học vấn của người nghèo ở Bình Dương. Trong tổng số 3,106 nhân khẩu từ 900 hộ gia đình được khảo sát tại tỉnh Bình Dương, có 2,913 nhân khẩu trên 6 tuổi với tổng phần trăm 100%. Nhìn chung, người nghèo ở Bình Dương có trình độ học vấn tương đối thấp, 84,9% người nghèo có trình độ học vấn từ lớp 9 trở xuống (bậc Trung học cơ sở trở xuống), chủ yếu người nghèo có học vấn ở bậc Tiểu học và Trung học cơ sở với tỷ lệ

phần trăm tương ứng 35,4% và 30,2%. Điều này hẳn nhiên là do mức học phí tăng theo cấp học, trong khi đó, điều kiện vật chất không cho phép người nghèo có thể đáp ứng được mức học phí này. Ngoài ra, đa số trẻ em nghèo không chỉ tập trung học mà còn phải giúp đỡ gia đình trong việc mưu sinh, tìm kế sinh nhai. Chính vì vậy, thời gian cho việc tự học là không nhiều, dẫn đến tình trạng nhiều em không theo kịp chương trình học ở lớp và sau đó bỏ học giữa chừng.

**Biểu đồ 1. Trình độ học vấn người nghèo ở Bình Dương năm 2017**



Nguồn: Số liệu khảo sát định lượng tháng 11 năm 2017

**3.2. Đánh giá tình trạng nghèo ở chiều cạnh giáo dục theo chỉ số đo lường của nghèo đa chiều**

Trong các tiêu chí tính toán nghèo đa chiều mới được đề xuất trong đề án của bộ Lao Động – Thương Binh và Xã hội trong chiều cạnh giáo dục, các chỉ tiêu xác định hộ nghèo được đề xuất như sau: (1) trình độ giáo dục của người lớn (hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên đủ 15 tuổi sinh từ năm 1986 (32 tuổi hết độ tuổi đi học) trở lại không tốt nghiệp trung học cơ sở và hiện không đi học; (2) tình trạng đi học của trẻ em (hộ gia đình có ít nhất 1 trẻ em trong độ tuổi đi học (5 - 14 tuổi) hiện không đi học) (Quốc hội, 2000, 2013, 2015).

**Bảng 2. Trình độ học vấn phân theo nhóm tuổi.**

Học vấn		Nhóm tuổi					Tổng
		Dưới 20 tuổi	Từ 21 - 40 tuổi	Từ 41 - 60 tuổi	Từ 61 - 80 tuổi	Trên 80 tuổi	
Dưới lớp 1	Số Lượng	176	116	170	162	43	667
	%	18,1%	15,6%	22,9%	36,2%	68,3%	22,5%
Từ lớp 1 đến lớp 5	Số Lượng	330	204	293	168	16	1011
	%	33,9%	27,4%	39,4%	37,5%	25,4%	34,0%
Từ lớp 6 đến lớp 9	Số Lượng	326	236	219	78	3	862
	%	33,5%	31,7%	29,5%	17,4%	4,8%	29,0%
Từ lớp 10 trở	Số Lượng	141	188	61	40	1	431

lên	%	14,5%	25,3%	8,2%	8,9%	1,6%	14,5%
Tổng	Số Lượng	973	744	743	448	63	2971
	%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%

Nguồn: Số liệu khảo sát định lượng tháng 11 năm 2017

Theo bảng 2, có khoảng 85% người dân chỉ tốt nghiệp từ cấp độ trung học cơ sở trở xuống (hết lớp 9). Cụ thể, chỉ có 29% là đã theo học ở cấp độ trung học cơ sở và 14.5% đã hoàn thành cấp độ trung học cơ sở, đồng thời theo học ở các lớp cao hơn.

Xét theo tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của nhà nước về chiều cạnh giáo dục, số liệu từ bảng 3 cho thấy, có đến 297 hộ gia đình có ít nhất thành viên đủ 15 tuổi sinh từ năm 1986 trở lại không tốt nghiệp Trung học cơ sở và hiện không đi học, tức gần 1/3 tổng số người nghèo tại tỉnh Bình Dương.

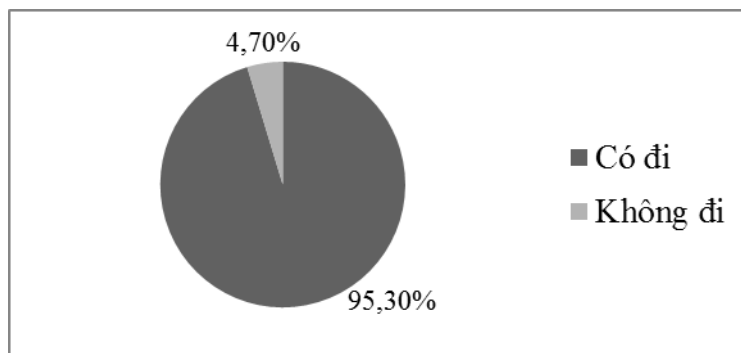
**Bảng 3.** Tỷ lệ hộ nghèo có thành viên đủ 15 tuổi sinh từ năm 1986 trở lại không tốt nghiệp trung học cơ sở và hiện không đi học

	Tần số	Phần trăm
Dưới lớp 1	37	12.5
Từ lớp 1 đến lớp 5	53	17.8
Từ lớp 6 đến dưới lớp 9	207	69.7
Total	297	100.0

Nguồn: Số liệu khảo sát định lượng tháng 11 năm 2017

Như vậy, xét theo tiêu chí trình độ học vấn của người lớn, một bộ phận tương đối người nghèo tại Bình Dương rơi vào tình trạng “nghèo giáo dục”, trong khi bộ phận người nghèo này vẫn đang ở trong độ tuổi lao động. Đối với tiêu chí thứ hai của chiều cạnh giáo dục là tình trạng đi học của trẻ em, số liệu từ biểu đồ 2 cho thấy trong số những người nghèo được phỏng vấn ở Bình Dương tỉ lệ trẻ em được đi học khá cao chỉ có 4.7% còn lại là không được đi học.

**Biểu đồ 2.** Tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi không đi học



Với tỷ lệ trẻ em đi học cao như trên, có thể nói đây là một tín hiệu đáng mừng cho việc xóa “nghèo giáo dục” trong tương lai của người nghèo tại tỉnh Bình Dương. Mặc dù đô thị hóa đã thúc đẩy xã hội phát triển về mọi mặt trong đó bao gồm cả giáo dục – đào tạo, từ đó nâng cao trình độ và chuyên môn nghề nghiệp cho người lao động trong xã hội. Nhưng trong sự phát triển này người dân nghèo ở tỉnh Bình Dương còn nhiều bất cập và hạn chế để theo kịp, một phần vì gánh nặng mưu

sinh và cơm áo gạo tiền hàng ngày khiến người dân nghèo không dành sự quan tâm lớn cho việc nâng cao học vấn, nâng cao tay nghề theo chia sẻ của ông H trong biên bản phỏng vấn số 22, hiện tại đã 56 tuổi thuộc gia đình hộ nghèo cho biết trước đây ông có theo học sửa và lắp đặt truyền hình được một vài năm tuy nhiên không theo học tiếp tục được vì phải đi làm thêm việc khác để trang trải cuộc sống của gia đình. Hay như trường hợp của chị T trong biên bản phỏng vấn số 47, thuộc gia đình hộ nghèo năm nay đã 30 tuổi, lúc trước được ba mẹ cho đi học nghề uốn tóc nhưng vì thấy cha mẹ khổ quá nên đã nghỉ học để đi làm phụ giúp gia đình.

Có thể thấy rằng, công việc trang trải cho cuộc sống mưu sinh hằng ngày của người nghèo đã phần nào thu hẹp khả năng tiếp cận giáo dục của họ, cũng vì thế, người nghèo bị hạn chế trong việc tiếp cận với những công việc có mức thu nhập cao hơn, ổn định hơn nên cuối cùng “nghèo vẫn hoàn nghèo”.

Phần khác, đa số người nghèo nằm trong độ tuổi trung niên trở lên nên việc học tập văn hóa là một điều bất khả thi nhưng họ nhận thức sự quan trọng của giáo dục – đào tạo đối với thế hệ trẻ, theo như chia sẻ của bà A đã 58 tuổi, thuộc gia đình hộ cận nghèo trong biên bản phỏng vấn số 58, bà giải thích rằng vì trước đây bà không đi học nên cuộc đời bà khó khăn, lận đận, chính vì thế, cho dù cuộc sống hiện tại có cực khổ đến mấy bà vẫn sẽ cố gắng cho các cháu của bà được đến trường với hy vọng sau này các cháu có cuộc sống tốt hơn

Cùng với trải nghiệm sống cá nhân, có thể thấy tự bản thân người nghèo cũng nhận thức được tầm quan của giáo dục được thể hiện qua sự kì vọng rất lớn đối với những người con, người cháu của họ sẽ được học hành cao để tiến thân sau này, nên người dân nghèo tạo mọi điều kiện có thể nhất cho con cái đi học.

Như vậy, khi đánh giá tình trạng nghèo giáo dục theo thang đo mới, Bình Dương đã thành công với tỷ lệ cao trẻ em được đi học tại đây, tuy nhiên, vẫn còn hạn chế trong tiêu chí về trình độ học vấn của người lớn, nhất là người trong độ tuổi lao động và hạn chế này về lâu dài có thể gây những trở ngại nhất định cho việc nâng cao mức sống cũng như khả năng thoát nghèo của người nghèo trong tỉnh.

### 3.3. Tác động của giáo dục đến nghèo đói tại Bình Dương

Có thể nói, giáo dục tác động đến nghèo đói thông qua con đường gián tiếp chủ yếu là việc làm. Bởi khi người nghèo được tiếp cận tốt với giáo dục, đồng nghĩa với việc họ có cơ hội nâng cao được tay nghề, chuyên môn của bản thân để đáp ứng yêu cầu của những công việc với mức thu nhập ổn định cao hơn, ổn định hơn. Ở phần này, bài viết sẽ đề cập đến những số liệu thực tế về mối liên hệ giữa giáo dục và nghề nghiệp của người nghèo tại tỉnh Bình Dương để đưa ra minh chứng cụ thể. Số liệu ở bảng 4, có thể nhận định rằng, tình trạng bấp bênh công việc có sự liên quan nhất định đến trình độ học vấn. Trình độ học vấn càng cao thì sự ổn định trong công việc càng được bảo đảm. Tỷ lệ ổn định công việc là 13% với trình độ dưới lớp 1 so với tỷ lệ gần 29% ở trình độ từ lớp 10 trở lên.

**Bảng 4:** Tình trạng nghề nghiệp và trình độ học vấn

			Dưới lớp 1	Từ lớp 1 đến lớp 5	Từ lớp 6 đến lớp 9	Từ lớp 10 trở lên	Tổng
Tình	Ổn định	Số lượng	28	57	55	29	169
		% (học vấn)	13,2%	17,4%	21,2%	28,7%	18,8%

trạng công việc	Bấp bênh	Số lượng	85	140	112	38	375
		% (học vấn)	40,1%	42,8%	43,1%	37,6%	41,7%
	Không có việc làm	Số lượng	99	130	93	34	356
		% (học vấn)	46,7%	39,8%	35,8%	33,7%	39,6%
Tổng		Số lượng	212	327	260	101	900
		% (học vấn)	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%

Nguồn: Số liệu khảo sát định lượng tháng 11 năm 2017

Đối với một số công việc lao động phổ thông mang tính chất ổn định, nhiều đơn vị tuyển dụng đều có yêu cầu người lao động phải tốt nghiệp THCS như công nhân, bảo vệ ... Sự thiếu hụt về trình độ học vấn góp phần làm giảm khả năng thoát nghèo đặc biệt của nhóm hộ gia đình thuộc nhóm hộ nghèo.

**Bảng 5. Tình trạng nghề nghiệp**

			Hộ nghèo	Cận nghèo	Trung bình	Tổng
Tình trạng công việc	Ổn định	Số lượng	96	67	6	169
		%	15,8%	27,5%	12,0%	18,8%
	Bấp bênh	Số lượng	254	102	19	375
		%	41,9%	41,8%	38,0%	41,7%
	Không có việc làm	Số lượng	256	75	25	356
		%	42,2%	30,7%	50,0%	39,6%
Tổng		Số lượng	606	244	50	900
		%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%

Nguồn: Số liệu khảo sát định lượng tháng 11 năm 2017

Từ bảng trên cho thấy, tình trạng việc làm bấp bênh phổ biến ở các hộ gia đình hơn là tình trạng làm việc cố định. Trong đó, hộ nghèo có tình trạng bấp bênh cao nhất. Với tính chất bấp bênh, không ổn định, công việc của người nghèo chịu phụ thuộc của nhiều yếu tố như yếu tố mùa vụ (đối với một số công việc như: làm cỏ, làm vườn, bóc múi cao su...) phụ thuộc vào thời tiết (đối với một số công việc như: buôn bán, phụ hồ, bán vé số...), hay phụ thuộc vào những yếu tố về nguồn công việc, tay nghề và sức khỏe của họ.

Một số người nghèo đã khẳng định rằng nguyên nhân khiến họ rơi vào tình trạng nghèo đói như hiện tại xuất phát từ việc họ không có học vấn tốt, cụ thể, chị B trong cuộc phỏng vấn số 27, năm nay chị 31 tuổi và gia đình thuộc hộ nghèo, chồng của chị hiện tại đang thất nghiệp vì lý do anh không biết chữ nên không đáp ứng được yêu cầu công việc được giao. Cùng ý kiến này, chị D,



32 tuổi, thuộc hộ nghèo trong cuộc phỏng vấn số 10 cũng cho biết lý do gia đình nghèo do cả 2 vợ chồng chỉ học ít, từ đó khó xin việc nên phải làm những công việc không ổn định khiến cuộc sống càng chật vật hơn.

Nhìn chung, người nghèo ở Bình Dương phần lớn đều không có trình độ học vấn cao, điều này ảnh hưởng rất lớn đến tư duy, khả năng tiếp nhận thông tin, khả năng ra quyết định cũng như khả năng tìm kiếm các công việc ổn định trong khu vực. Chính bản thân những người nghèo ở Bình Dương cũng hiểu được vấn đề mà họ đang gặp phải như “không biết chữ nên ảnh hưởng không có được công việc ổn định”, “chứ như nhìn bản thân bà thì biết không học nên cuộc đời cứ mãi khó khăn, lận đận”. Những người phỏng vấn được hỏi đều hiểu tầm quan trọng của giáo dục và coi trình độ giáo dục là cơ hội tiên thân tốt, tìm kiếm được các công việc ổn định.

#### *Trong công tác đào tạo nghề*

Nhận thấy được những khó khăn của người nghèo trong việc tiếp cận với giáo dục, tại tỉnh Bình Dương cũng đã triển khai những lớp đào tạo nghề ngắn hạn do địa phương tổ chức, tuy nhiên những lớp này thường có rất ít và hầu như không phù hợp với hoàn cảnh của họ, nên học xong thường không thể áp dụng hoặc họ sẽ từ chối tham gia những lớp đào tạo này.

Theo như chia sẻ của một cán bộ nữ tên E làm công tác giảm nghèo trong cuộc phỏng vấn số 124, tại địa phương chị làm việc có tổ chức lớp dạy nghề lái xe nông và trồng nấm cho người nghèo, tuy nhiên số lượng tham gia lớp rất ít, và sau khi học xong họ cũng không áp dụng hay thực hành gì với những kiến thức được dạy. Lý giải về nguyên nhân này, chị G, 42 tuổi thuộc hộ nghèo trong cuộc phỏng vấn sâu số 29 cho biết chị đã tham gia các lớp trồng cây cảnh và cả các lớp tập huấn về chăn nuôi, tuy nhiên, diện tích đất của chị rất ít cùng với vốn liếng không có, thêm tâm lý sợ vay nợ, vì nếu đầu tư thất bại thì không có tiền để trả nên chị quyết định không làm theo mà chỉ đi tập huấn cho biết.

Như vậy, khi phân tích ở chiều cạnh giáo dục, có thể nói Bình Dương đã được những thành tựu nhất định, đặc biệt trong việc nâng cao số lượng trẻ em đến trường với một tỷ lệ gần như tuyệt đối. Bên cạnh đó, Bình Dương cũng đã hướng đến sự hỗ trợ cho người nghèo hạn chế về mặt học vấn bằng việc tổ chức các lớp đào tạo nghề. Tuy nhiên, hơn 80% người nghèo trong độ tuổi lao động chưa tốt nghiệp cấp 2 lại là một con số thách thức đối với nỗ lực xóa nghèo của tỉnh, đồng thời, các chương trình đào tạo nghề chưa phù hợp cũng gây ra những trở ngại nhất định trong công cuộc giảm nghèo tại đây.

Vì vậy, chúng tôi đề xuất tỉnh Bình Dương cần nâng cao trình độ dân trí người nghèo của tỉnh, giảm tỉ lệ hơn 80% xuống đạt còn khoảng dưới 50% có trình độ học vấn dưới cấp trung học cơ sở, đồng thời triển khai rộng hơn các chương trình về tổ chức dạy nghề phù hợp với địa phương nhằm tới nhóm người nghèo đã tốt nghiệp cấp trung học cơ sở để tạo hiệu quả đào tạo tốt hơn. Trong đó, việc xây dựng chính sách đào tạo nghề cần chú trọng tới việc khảo sát nhu cầu học nghề, tư vấn chương trình đào tạo nghề, đánh giá tiềm năng công việc và hỗ trợ chương trình khởi nghiệp sau đào tạo nghề cho người lao động.

#### **4. Thảo luận và kết luận**

Dựa trên số liệu tương quan đã được phân tích, có thể thấy, trình độ học vấn cùng với khả năng chuyên môn nghề nghiệp ảnh hưởng rất lớn đến thu nhập, khả năng thoát nghèo của đối tượng

người nghèo ở Bình Dương. Khi so sánh với tiêu chuẩn chung của cả nước, có thể thấy trong khía cạnh giáo dục, tỉnh Bình Dương đang làm khá tốt trong việc hỗ trợ trẻ em đến trường. Đây là một bước đi cho tương lai, tránh tình trạng các em sẽ trở thành tầng lớp người lao động không biết chữ.

Tuy nhiên, người nghèo ở tỉnh Bình Dương hiện nay vẫn rất cần sự hỗ trợ sâu sát từ chính quyền địa phương. Đối với tiêu chí về trình độ học vấn của người lớn, thì Bình Dương dường như gặp trở ngại trong việc xóa nghèo về chiều cạnh giáo dục với tỷ lệ tương đối lớn (gần 1/3 hộ trên tổng số 900 hộ nghèo, cận nghèo và thoát nghèo) cùng với sự tác động chưa triệt để về mặt giáo dục, cụ thể là việc tổ chức các lớp đào tạo nghề chưa phù hợp cũng gây ra những hạn chế nhất định đối với người nghèo.

Như vậy, tác động đến việc giảm nghèo thông qua giáo dục là một hướng đi được xem là cần thiết, đảm bảo mỗi người đều có cơ hội xã hội bao gồm việc thu hẹp khoảng cách về giáo dục, tăng cường khả năng tiếp cận giáo dục, khả năng gia nhập các thành quả về giáo dục vì điều này tạo ra một xã hội công bằng và bền vững như tư tưởng “phát triển là quyền tự do” Sen (1992). Tuy nhiên, tác động tích cực hay tiêu cực lại phụ thuộc nhiều hơn vào cách triển khai và thực hiện cụ thể các chính sách về giáo dục, vì vậy, các hoạt động, chính sách nhằm nâng cao trình độ cũng như khả năng tiếp cận giáo dục cần được hoạch định và thực hiện trong một quy trình đúng đắn và hiệu quả.

Đối với thực tế tại tỉnh Bình Dương, chúng tôi khuyến nghị tỉnh nên tiếp tục khả năng hỗ trợ người nghèo về chiều cạnh giáo dục, đồng thời nỗ lực hơn để thu về nhiều kết quả tốt hơn trong việc nâng cao tỷ lệ học vấn của người nghèo trong độ tuổi lao động. Song song đó, các chương trình đào tạo nghề cần được triển khai và thực hiện một cách có hiệu quả hơn thông qua các hoạt động được đề xuất như sau:

**Khảo sát nhu cầu đào tạo nghề:** trước khi triển khai chương trình đào tạo nghề, cần phải thực hiện khảo sát nhu cầu và năng lực của người lao động, từ đó phân loại các loại hình nghề mà người lao động cần để tổ chức các khóa tập huấn theo nhu cầu, sở thích của người lao động, hạn chế được việc đầu tư dàn trải, không mang lại hiệu quả.

**Tư vấn đào tạo nghề:** với chương trình đào tạo nghề, cần tổ chức các buổi tư vấn chương trình đào tạo nghề dành cho người lao động. Chương trình hướng nghiệp học nghề cần phải giúp người lao động nhận ra được sở thích, nhu cầu và tiềm năng của bản thân, để lựa chọn nghề nghiệp một cách hợp lý.

**Đánh giá tiềm năng công việc:** để giúp công tác đào tạo nghề được hiệu quả, thiết nghĩ trước khi triển khai chương trình dạy nghề, cần phải thực hiện đánh giá tiềm năng công việc sau học nghề tại địa phương hoặc nhu cầu công việc trong khu vực. Từ đó sẽ có được chương trình đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu thực tế, mang lại hiệu quả cho công tác đào tạo nghề

**Hỗ trợ chương trình khởi nghiệp sau học nghề:** Đối với chương trình đào tạo nghề, bên cạnh cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng trong công việc, cần tiếp tục hỗ trợ điều kiện khởi nghiệp sau học nghề với những nghề cơ bản, phù hợp với khả năng của người học và nhu cầu công việc tại địa phương. Người lao động cần được tập huấn thêm về kiến thức trong kinh doanh nhỏ hộ gia đình, sau khi hoàn thành khóa học, người lao động cần có một kế hoạch chi tiết về chương trình khởi nghiệp và quỹ hỗ trợ học nghề tiếp tục hỗ trợ một phần kinh phí được quy đổi thành dụng cụ hỗ trợ trong công việc (hạn chế hỗ trợ bằng tiền mặt). Số tiền này có thể được hỗ trợ

không hoàn lại hoặc hỗ trợ vay vốn trả dần định kỳ đã được xây dựng theo quy trình. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo nghề cần liên kết với các doanh nghiệp để kết nối nguồn lao động và việc làm, điều đó sẽ tăng cường cơ hội học tập, thực hành nghề và cung cấp nguồn lao động cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Aghion, P., Blundell, R., Griffith, R., Howitt, P., & Prantl, S. (2004). Entry and productivity growth: Evidence from microlevel panel data. *Journal of the European Economic Association*, 2(2-3), 265-276.
- [2] Becker, W. E. (2004). Economics for a higher education. *International Review of Economics Education*, 3(1), 52-62.
- [3] Cohen, L., Manion, L., & Morrison, K. (2002). Research methods in education. routledge.
- [4] Cục thống kê tỉnh Bình Dương (2016). Bình Dương 20 năm xây dựng và phát triển.
- [5] Henaff, N., & Lange, M.-F. (2012). Các mối quan hệ giữa giáo dục và đổi nghề: lý thuyết và ảnh hưởng đến các chính sách giáo dục. *Tạp chí Xã hội học 118*(2), 111-119.
- [6] Mingat, A., Rakotomalala, R., & Tan, J.-P. (2003). Développement humain Région Afrique Serie Document de travail.
- [7] Pritchett, L. (1999). Where has all the education gone? The World Bank.
- [8] Quốc hội (2013). Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngày 28/11/2013.
- [9] Quốc hội (2000). Nghị quyết về việc thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Số 41/2000/QH10, ngày 9/12/2000.
- [10] Quốc hội (2005). Luật Giáo dục. Số 38/2005/QH11, ngày 11/6/2005.
- [11] Sen, A. (1992). The political economy of targeting. World Bank Washington, DC.
- [12] Söderbom, M., & Teal, F. (2003). Are manufacturing exports the key to economic success in Africa? *Journal of African Economies*, 12(1), 1-29.
- [13] Wambugu, C., Franzel, S., Tuwei, P., & Karanja, G. (2001). Scaling up the use of fodder shrubs in central Kenya. *Development in Practice*, 11(4), 487-494.

*Bài báo này là sản phẩm khoa học của đề tài "Sinh kế dân nghèo và công cuộc giảm nghèo tại tỉnh Bình Dương". Quyết định số 2134/QĐ-UBND, ngày 9/8/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương.*